



Nghiên cứu tác dụng chống loét dạ dày của bài thuốc Sài hồ sơ can thang kết hợp Ô bối thang trên thực nghiệm

RESEARCHING ANTI - GASTRIC ULCER EFFECT OF SAI HO SO CAN THANG COMBINED WITH O BOI THANG IN EXPERIMENT

Lê Duy Đại¹, Vũ Ngọc Thăng²,

Trần Quang Minh¹, Hoàng Trọng Tuấn¹

¹Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam, ²Cục Quân y

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá tác dụng chống loét dạ dày của bài thuốc Sài hồ sơ can thang kết hợp Ô bối thang trên thực nghiệm.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Đánh giá tác dụng chống loét dạ dày của bài thuốc Sài hồ sơ can thang kết hợp Ô bối thang trên mô hình thực nghiệm gây loét dạ dày bằng Aspirin kết hợp thắt môn vị ở chuột cống trắng, theo phương pháp mô tả bởi Vijayakumar AR và cộng sự (2016) có sửa đổi.

Kết quả: Bài thuốc Sài hồ sơ can thang kết hợp Ô bối thang ở cả 2 mức liều dùng (9,24 g/kg/ngày và 18,48 g/kg/ngày, tính theo dược liệu khô) có tác dụng tốt trong điều trị loét dạ dày trên mô hình gây loét bằng Aspirin kết hợp thắt môn vị ở chuột cống trắng, chỉ số loét giảm có ý nghĩa thống kê so với lô mô hình ($p < 0,05$).

Kết luận: Bài thuốc Sài hồ sơ can thang kết hợp Ô bối thang có tác dụng tốt trong điều trị loét dạ dày trên mô hình gây loét bằng Aspirin kết hợp thắt môn vị ở chuột cống trắng.

Từ khóa: Sài hồ sơ can thang, Ô bối thang, loét dạ dày, động vật thực nghiệm.

SUMMARY

Objectives: To evaluate the anti-gastric ulcer effect of the remedy Sai ho so can thang combined with O boi thang in experiment.

Subject and methods: Evaluating the anti-gastric ulcer effect of the remedy Sai ho so can thang combined with O boi thang on an experimental model of gastric ulcer induction with Aspirin combined with pyloric ligation in white rats, according to the tissue method. Described by Vijayakumar AR et al (2016) with modifications.

Results: The remedy Sai ho so can thang combined with O boi thang at both dosage levels (9.24 g/kg/day and 18.48 g/kg/day, calculated based on dry medicinal herbs) is effective. Good in treating gastric ulcers in the Aspirin ulcer model combined with pyloric ligation in rats, the ulcer index decreased statistically significantly compared to the model group ($p < 0.05$).

Conclusions: The remedy Sai ho so can thang combined with O boi thang has good effects in treating gastric ulcers in the ulcer model using Aspirin combined with pyloric ligation in rats.

Keywords: Sai ho so can thang, O boi thang, stomach ulcers, experimental animals.

Tác giả liên hệ: Hoàng Trọng Tuấn

Số điện thoại: 0979686669

Email: hoangtuan3350@gmail.com

Mã DOI: <https://doi.org/10.60117/vjmap.v56i03.295>

Ngày nhận bài: 22/12/2023

Ngày phản biện: 12/4/2024

Ngày chấp nhận đăng: 25/9/2024



ĐẶT VẤN ĐỀ

Loét dạ dày có tỷ lệ tăng cao, gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và có thể gây các biến chứng như xuất huyết tiêu hóa, thủng dạ dày, ung thư dạ dày...

Theo Y học cổ truyền (YHCT) loét dạ dày thuộc phạm vi chứng vị quản thống. Bệnh gây nên chủ yếu do các nguyên nhân: Can khí phạm vị và tỳ vị hư hàn. Các phương pháp điều trị bằng YHCT như: Châm cứu, cấy chỉ, nhĩ châm kết hợp dùng thuốc YHCT. Trong các bài thuốc điều trị chứng vị quản thống, bài thuốc Sài hồ sơ can thang (Cảnh nhạc toàn thư) và Ô bối thang (Dược điển Trung Quốc) là những bài thuốc thường được áp dụng trên lâm sàng. Bài thuốc Sài hồ sơ can thang có tác dụng hành khí chỉ thống [1], bài thuốc Ô bối thang có tác dụng liễm toan [2]. Trong cổ văn viết hai bài thuốc này được dùng dưới dạng thuốc tán, nhưng trên thực tế lâm sàng hai bài thuốc này dùng ở dạng thuốc thang. Chủ yếu điều trị nội khoa dựa vào cơ chế bệnh sinh loét dạ dày: Sự mất cân bằng giữa yếu tố tấn công và bảo vệ, nên mục đích điều trị nhằm tăng các yếu tố có lợi như tăng sự đề kháng của niêm mạc, kích thích niêm mạc tái sinh và giảm thiểu các tác động có hại đến dạ dày như trung hòa acid trong dạ dày, ức chế bài tiết acid HCl và pepsin. Việc kết hợp hai bài thuốc Sài hồ sơ can thang và Ô bối thang trong điều trị có đáp ứng được hai mục tiêu này? Để có thêm cơ sở khoa học minh chứng về tác dụng của sự kết hợp hai bài thuốc này trong điều trị giảm đau và chống loét dạ dày, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: Đánh giá tác dụng chống loét dạ dày của của bài thuốc Sài hồ sơ can thang kết hợp Ô bối thang trên thực nghiệm.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chất liệu nghiên cứu

Chất liệu nghiên cứu là bài thuốc Sài hồ sơ can thang kết hợp Ô bối thang. Thành phần: Sài hồ 8g, Trần bì 8g, Xuyên khung 8g, Bạch thược 12g, Chỉ xác 8g, Cam thảo 4g, Hương phụ 8g, Ô tặc cốt 8,5g, Thổ bối mẫu 1,5g.

Dạng bào chế: cao lỏng chiết tỷ lệ 1:1 bằng

máy chiết tự động của Hàn Quốc.

- Thuốc đối chứng: Viên nén Omeprazole 20mg, Việt Nam

Động vật nghiên cứu

Chuột cống trắng trưởng thành dòng Wistar, không phân biệt giống, đạt tiêu chuẩn thí nghiệm, cân nặng trung bình mỗi con 180 - 200g. Động vật thí nghiệm do Ban chăn nuôi - Học viện Quân y cung cấp, nuôi dưỡng trong phòng nuôi động vật thí nghiệm ít nhất 1 tuần trước khi tiến hành thí nghiệm. Động vật ăn thức ăn theo tiêu chuẩn thức ăn cho động vật nghiên cứu, nước sạch đun sôi để nguội uống tự do.

Phương pháp nghiên cứu

Đánh giá tác dụng chống loét dạ dày của bài thuốc Sài hồ sơ can thang kết hợp Ô bối thang trên mô hình thực nghiệm gây loét dạ dày bằng Aspirin kết hợp thắt môn vị ở chuột cống trắng, theo phương pháp mô tả bởi Vijayakumar AR và cộng sự (2016) [3] có sửa đổi cho phù hợp với điều kiện nghiên cứu.

Cách tiến hành:

Chuột cống trắng được đánh số thứ tự và được chia thành 5 lô, mỗi lô 10 con với tỉ lệ đực/cái như nhau ở mỗi lô.

Các lô chuột được uống thuốc như sau:

+ Lô 1 (lô chứng): Không gây loét dạ dày, uống nước cất.

+ Lô 2 (lô mô hình): Gây loét dạ dày, uống nước cất.

+ Lô 3 (lô tham chiếu): Gây loét dạ dày, uống Omeprazole liều 20 mg/kg/ngày.

+ Lô 4 (lô trị 1): Gây loét dạ dày, uống thuốc nghiên cứu liều 9,24g/kg/ngày.

+ Lô 5 (lô trị 2): Gây loét dạ dày, uống thuốc nghiên cứu liều 18,48g/kg/ngày.

Chuột (ở các lô 2, 3, 4, 5) được gây loét dạ dày bằng cách cho uống Aspirin liều 200 mg/kg (Aspirin được hòa tan trong dung dịch natri carboxymethyl cellulose - CMC 1%) trong 5 ngày liên tiếp. Vào ngày thứ 6 tiến hành thắt môn vị chuột (trong điều kiện gây mê chuột) ngay sau khi uống Aspirin lần cuối. Thuốc tham chiếu (omeprazole) và thuốc nghiên cứu (Sài hồ sơ can



thang kết hợp Ô bối thang) ở liều 1, liều 2 được cho uống hàng ngày 30 phút trước khi cho chuột uống Aspirin.

Đánh giá kết quả:

Sau 4 giờ kể từ khi thắt môn vị, tất cả chuột được gây mê bằng thiopental. Chuột được mổ bụng, bộc lộ dạ dày. Cắt mở dạ dày dọc theo bờ cong lớn. Dịch chứa bên trong dạ dày được ly tâm, thu lấy phần dịch trong để xác định thể tích và độ acid của dịch vị. Bề mặt dạ dày được rửa sạch bằng dung dịch nước muối lạnh, thấm bề mặt vết loét bằng Fomaldehyd 5% để đánh giá mức độ loét.

- Các chỉ tiêu đánh giá về chức năng bài tiết dịch vị trong dạ dày:
- + Thể tích dịch vị tính theo 100g cân nặng.
- + pH dịch vị: Đo bằng máy đo pH.
- + Xác định độ acid dịch vị.
- Các chỉ tiêu đánh giá tổn thương loét:
- + Tính chỉ số loét.
- + Phần trăm ức chế loét.

Bảng 1. Tác dụng của bài thuốc lên thể tích dịch vị của chuột nghiên cứu

Lô nghiên cứu	Thể tích dịch vị (ml/100g)	p so với (1)	p so với (2)	p so với (3)
Chứng sinh lý (1)	0,456 ± 0,079	-	< 0,05	> 0,05
Mô hình (2)	0,589 ± 0,083	< 0,01	-	< 0,05
Thuốc tham chiếu (3)	0,490 ± 0,069	> 0,05	< 0,05	-
Thuốc nghiên cứu liều 1 (4)	0,497 ± 0,075	> 0,05	< 0,05	> 0,05
Thuốc nghiên cứu liều 2 (5)	0,483 ± 0,081	> 0,05	< 0,05	> 0,05

Thể tích dịch vị ở nhóm uống thuốc nghiên cứu cả hai liều 9,24g/kg/ngày và 18,48g/kg/ngày cho thấy có xu hướng giảm đáng kể so với lô mô hình ($p < 0,05$),

- Đánh giá tổn thương mô bệnh học.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Học viện Quân y từ tháng 4/2023 đến tháng 10/2023.

Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu nghiên cứu được trình bày dưới dạng: Trung bình ± độ lệch chuẩn ($\bar{X} \pm SD$). Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. So sánh hai trung bình bằng T-test Student và thuật toán Kaplan-Mayer. Khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên chuột cống trắng và chuột nhắt trắng, số lượng động vật sử dụng trong các mô hình thí nghiệm được hạn chế ở mức tối thiểu, đủ để thu được kết quả đảm bảo độ tin cậy và đủ xử lý thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tác dụng của bài thuốc lên các chỉ tiêu đánh giá chức năng bài tiết dịch vị

giảm thể tích dịch vị tương đương so với lô thuốc tham chiếu Omeprazol liều 20 mg/kg/ngày, tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

Bảng 2. Tác dụng của bài thuốc lên pH dịch vị của chuột nghiên cứu

Lô nghiên cứu	pH dịch vị	p so với (1)	p so với (2)	p so với (3)
Chứng sinh lý (1)	3,64 ± 0,39	-	< 0,01	> 0,05
Mô hình (2)	2,76 ± 0,41	< 0,001	-	< 0,01
Thuốc tham chiếu (3)	3,39 ± 0,45	> 0,05	< 0,01	-
Thuốc nghiên cứu liều 1 (4)	3,35 ± 0,52	> 0,05	< 0,05	> 0,05
Thuốc nghiên cứu liều 2 (5)	3,43 ± 0,61	> 0,05	< 0,05	> 0,05

So với lô mô hình, độ pH ở nhóm dùng thuốc nghiên cứu ở cả 2 liều 9,24g/kg/ngày và 18,48g/kg/ngày tăng có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).



Bảng 3. Tác dụng của bài thuốc lên độ acid tự do của dịch vị

Lô nghiên cứu	Độ acid tự do (Meq/l/100g)	p so với (1)	p so với (2)	p so với (3)
Chứng sinh lý (1)	10,15 ± 1,12	-	< 0,001	> 0,05
Mô hình (2)	13,61 ± 1,54	< 0,001	-	< 0,01
Thuốc tham chiếu (3)	10,98 ± 1,25	> 0,05	< 0,01	-
Thuốc nghiên cứu liều 1 (4)	11,21 ± 1,41	> 0,05	< 0,01	> 0,05
Thuốc nghiên cứu liều 2 (5)	10,63 ± 1,38	> 0,05	< 0,01	> 0,05

So với lô mô hình, độ acid tự do của dịch vị ở các lô thuốc tham chiếu (Omeprazol) và thuốc nghiên cứu ở cả 2 mức liều 9,24g/kg/ngày và 18,48g/kg/ngày đều giảm có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$). So với lô thuốc tham chiếu, độ acid tự do của dịch vị

ở các lô dùng thuốc nghiên cứu khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Thuốc nghiên cứu ở cả 2 mức liều dùng đều có tác dụng làm giảm acid tự do của dịch vị tương đương so với thuốc tham chiếu Omeprazol liều 20 mg/kg/ngày.

Bảng 4. Tác dụng của bài thuốc lên độ acid toàn phần của dịch vị

Lô nghiên cứu	Độ acid toàn phần (Meq/l/100g)	p so với (1)	p so với (2)	p so với (3)
Chứng sinh lý (1)	21,12 ± 2,35	-	< 0,001	> 0,05
Mô hình (2)	26,61 ± 2,97	< 0,001	-	< 0,01
Thuốc tham chiếu (3)	22,85 ± 2,46	> 0,05	< 0,01	-
Thuốc nghiên cứu liều 1 (4)	23,16 ± 2,52	> 0,05	< 0,05	> 0,05
Thuốc nghiên cứu liều 2 (5)	22,62 ± 2,38	> 0,05	< 0,01	> 0,05

So với lô thuốc tham chiếu, độ acid toàn phần của dịch vị ở các lô dùng thuốc nghiên cứu khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Thuốc nghiên cứu ở cả 2 mức liều dùng đều có tác dụng làm giảm

acid toàn phần của dịch vị tương đương so với thuốc tham chiếu Omeprazol liều 20 mg/kg/ngày.

Tác dụng của bài thuốc lên các chỉ tiêu đánh giá tổn thương loét

Bảng 5. Tác dụng của bài thuốc lên các chỉ tiêu đánh giá tổn thương loét

Lô nghiên cứu	Chỉ số loét	Phần trăm ức chế loét	Số chuột không phát hiện loét/tổng số chuột
Chứng sinh lý	Không có vết loét	-	10/10
Mô hình	18,35 ± 5,54	-	0/10
Thuốc tham chiếu	11,65 ± 4,44**	36,51	4/10
Thuốc nghiên cứu liều 1	13,05 ± 4,91*	28,88	3/10
Thuốc nghiên cứu liều 2	11,50 ± 4,80**	37,33	4/10

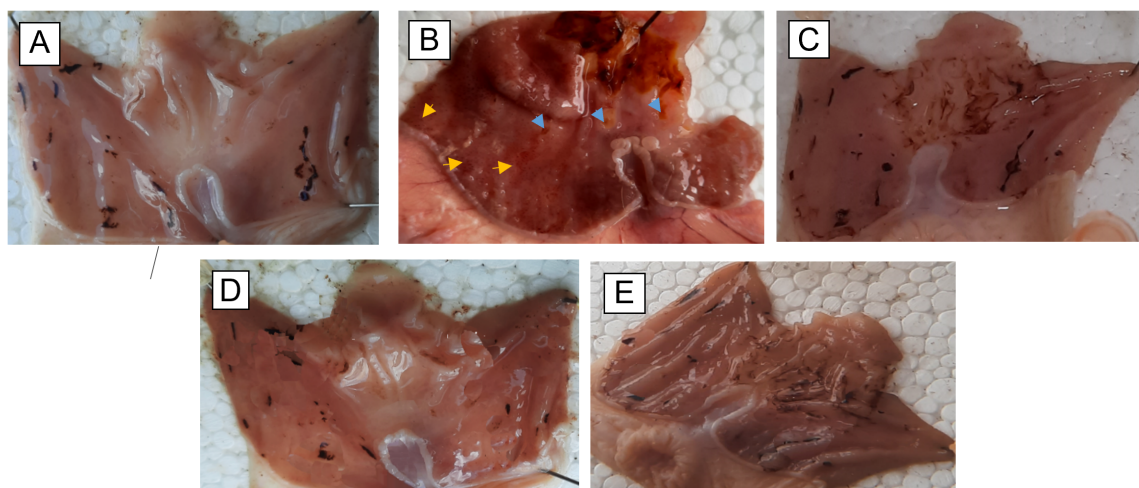
(* p_{so} với mô hình < 0,05; ** p_{so} với mô hình < 0,01)

Lô chuột uống Omeprazol 20 mg/kg/ngày loét xuất hiện ở 6/10 chuột; Chỉ số loét giảm có ý nghĩa thống kê so với lô mô hình ($p < 0,01$); Phần trăm ức chế loét là 36,51%.

liều 9,24g/kg/ngày và 18,48g/kg/ngày làm giảm đáng kể chỉ số loét trung bình có ý nghĩa thống kê so với lô mô hình ($p < 0,05$).

Kết quả đại thể và mô bệnh học dạ dày của chuột thí nghiệm

Lô chuột uống thuốc nghiên cứu ở cả 2 mức



Hình 1. Hình ảnh đại thể dạ dày chuột quan sát qua kính lúp.

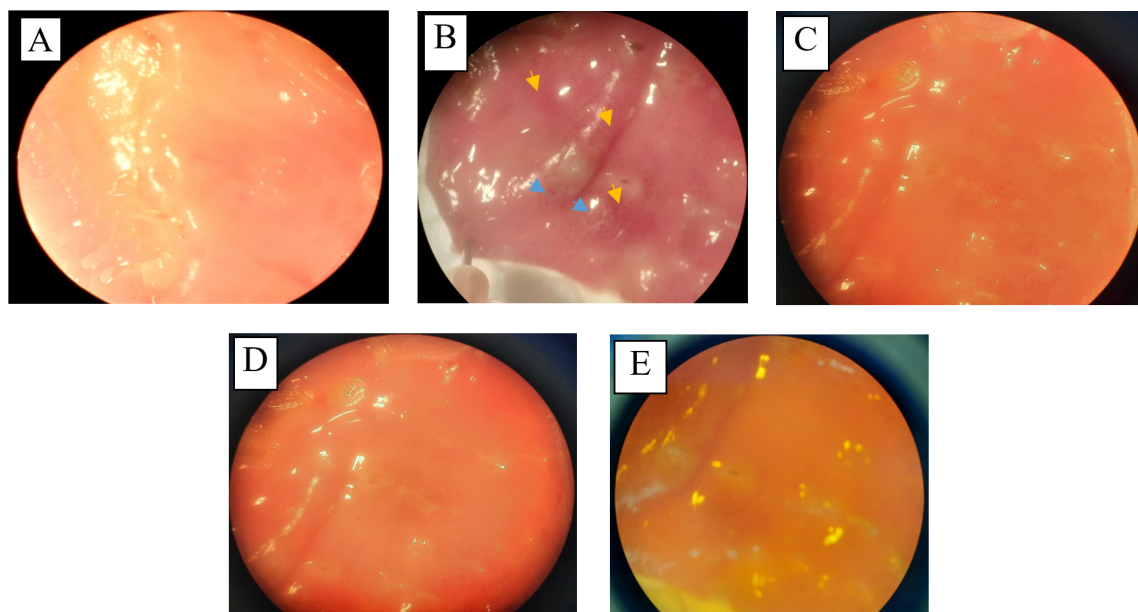
(A. Lô chứng sinh lý (chuột 5); B. Lô mô hình (chuột 12); C. Lô Omeprazole (chuột 24);

D. Lô thuốc NC liều 1 (chuột 36); E. Lô thuốc NC liều 2 (chuột 45).

Mũi tên màu xanh chỉ ổ loét, mũi tên màu vàng chỉ xung huyết)

Niêm mạc dạ dày chuột lô chứng sinh lý bình thường, không có tổn thương (Hình 1A). Niêm mạc dạ dày chuột lô mô hình có tổn thương loét (mũi tên màu xanh) và xung huyết (mũi tên màu vàng)

(Hình 1B). Niêm mạc dạ dày chuột ở các lô dùng omeprazole cũng như ở hai lô dùng thuốc nghiên cứu giảm rõ các biểu hiện tổn thương so với hình ảnh niêm mạc dạ dày chuột ở lô mô hình (Hình 1C, D, E).



Hình 2. Hình ảnh đại thể dạ dày chuột quan sát qua kính hiển vi soi nổi

(A. Lô chứng sinh lý (chuột 6); B. Lô mô hình (chuột 15);

C. Lô Omeprazole (chuột 27); D. Lô thuốc NC liều 1 (chuột 32);

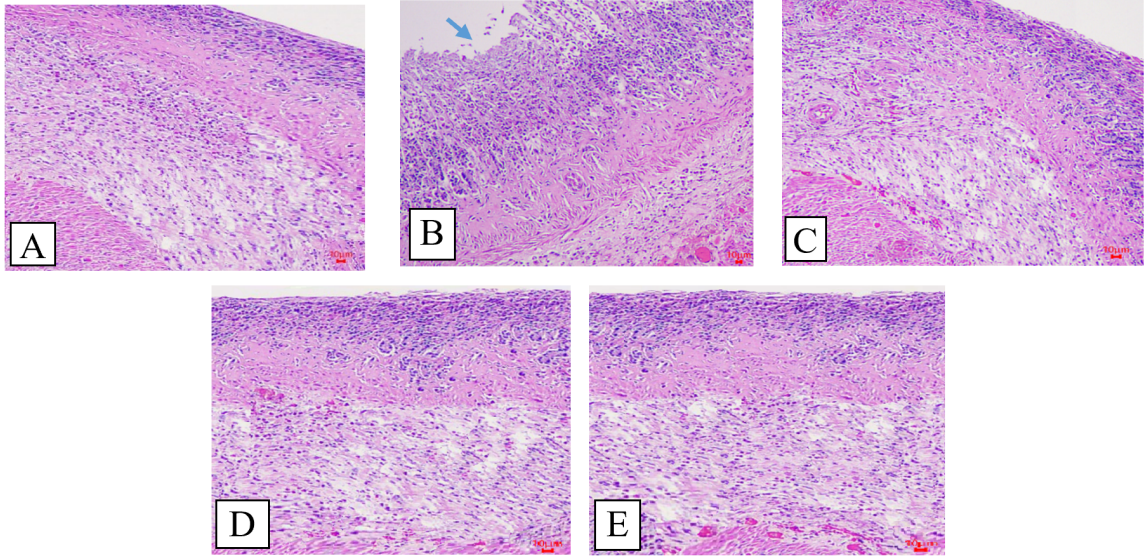
E. Lô thuốc NC liều 2 (chuột 42).

Mũi tên màu xanh chỉ ổ loét, mũi tên màu vàng chỉ xung huyết)



Niêm mạc dạ dày chuột lô mô hình có tổn thương loét (mũi tên màu xanh) và xung huyết (mũi tên màu vàng) (Hình 2B). Niêm mạc dạ dày chuột ở các lô dùng Omeprazole

cũng như ở hai lô dùng thuốc nghiên cứu giảm rõ các biểu hiện tổn thương so với hình ảnh niêm mạc dạ dày chuột ở lô mô hình (Hình 2C, D, E).



Hình 3. Hình ảnh vi thể dạ dày chuột nhuộm HE (x 400)

(A. Lô chứng sinh lý (chuột 9); B. Lô mô hình (chuột 18); C. Lô Omeprazole (chuột 25); D. Lô thuốc NC liều 1 (chuột 33); E. Lô thuốc NC liều 2 (chuột 46). Mũi tên màu xanh chỉ ổ loét)

Niêm mạc dạ dày chuột lô chứng sinh lý bình thường, không có tổn thương (Hình 3A). Niêm mạc dạ dày chuột lô mô hình có tổn thương loét biểu hiện niêm mạc dạ dày bị thoái hóa, bong tróc lớp biểu mô (mũi tên màu xanh) (Hình 3B). Niêm mạc dạ dày chuột ở các lô dùng Omeprazole cũng như ở hai lô dùng thuốc nghiên cứu giảm rõ các biểu hiện tổn thương so với hình ảnh niêm mạc dạ dày chuột ở lô mô hình (Hình 3C, D, E).

BÀN LUẬN

Tác dụng đến chức năng bài tiết dịch vị trong dạ dày

Trong nghiên cứu này, chúng tôi dùng mô hình gây loét dạ dày bằng Aspirin vì dễ thực hiện và có hiệu quả cao, được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu gây loét dạ dày.

Mức độ loét dạ dày được đánh giá qua số chuột bị loét, số ổ loét và mức độ nặng của tổn thương loét. Theo kết quả nghiên cứu của tôi, chuột được uống Aspirin 200 mg/kg/ngày trong

5 ngày liên tiếp đã làm giảm mức độ loét rõ rệt so với chuột ở lô mô hình về các chỉ số đánh giá. Bên cạnh đó, mặc dù 90 -100% chuột uống bài thuốc Sài hồ sơ can thang kết hợp Ô bối thang (thuốc nghiên cứu) 2 mức liều đều xuất hiện hình ảnh loét dạ dày, tuy nhiên số ổ loét và chỉ số loét có xu hướng giảm so với lô mô hình. Hình ảnh giải phẫu bệnh càng thể hiện mức độ tổn thương nhẹ hơn ở các lô được điều trị bằng Omeprazole và thuốc nghiên cứu với nhiều vùng niêm mạc bình thường, ít số ổ loét sâu sát cơ niêm, ít thâm nhiễm tế bào lympho và các tế bào thoái hóa hơn.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã đánh giá thể tích dịch dạ dày, pH, độ acid tự do và độ acid toàn phần. Sự gia tăng lượng acid và lượng dịch trong dạ dày là một yếu tố tăng nguy cơ gây viêm loét dạ dày. Kết quả bảng 1 cho thấy thể tích dịch vị ở nhóm uống thuốc nghiên cứu cả hai liều cho thấy có xu hướng giảm đáng kể so với lô mô hình ($p < 0,05$). Cơ chế gây tổn thương niêm mạc: pH thấp, Aspirin thành một dạng



không ion, có thể vận chuyển qua màng tế bào, làm tăng tính thấm màng tế bào với Na^+ , Ca^{2+} , nước, làm tế bào căng to và chết. Tế bào bề mặt chết cho phép khuếch tán ngược của acid, pepsin, Aspirin vào bề mặt, lần đầu tiên được đề cập bởi Davenport. Ngoài ra sự tổn thương tế bào mast, bạch cầu đa nhân trung tính, tế bào nội mô, làm giải phóng các chất trung gian viêm gây tổn thương mao mạch, bạch cầu đa nhân trung tính gây thâm nhập tế bào nội mô, co mạch, gây thiếu máu cục bộ, hoại tử tế bào [4],[5]. Kết quả trong bảng 2 cho thấy: So với lô mô hình độ pH ở nhóm dùng thuốc nghiên cứu ở cả 2 liều tăng có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Tính acid là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến độ pH, acid clohydric là tác nhân chính ảnh hưởng đến độ pH dịch dạ dày. Ở loài động vật gặm nhấm có nhiều sinh vật cộng sinh trong dạ dày, các vi sinh vật này tiết ra các acid hữu cơ như acid lactic, acid axetic... Đây là các acid yếu góp phần làm thay đổi độ pH của dịch vị. Do đó, việc đánh giá độ acid trong dịch vị đòi hỏi phải xác định nồng độ của cả acid hữu cơ và acid clohydric và được đánh giá thông qua 2 chỉ số độ acid tự do và độ acid toàn phần của dịch vị. Kết quả nghiên cứu trong bảng 3, độ acid tự do ở nhóm dùng thuốc nghiên cứu ở cả 2 mức liều có xu hướng giảm so với lô mô hình; Kết quả nghiên cứu trong bảng 4 cho thấy độ acid toàn phần cho thấy giảm có ý nghĩa thống kê ở cả 2 nhóm uống thuốc nghiên cứu ($p < 0,05$).

Tác dụng đến tổn thương loét

Hình ảnh đại thể, vi thể dạ dày trong mô hình thực nghiệm bằng Aspirin chủ yếu là tổn thương viêm cấp. Viêm cấp tính làm biến đổi các cấu trúc niêm mạc và dưới niêm mạc của dạ dày như: Có nhiều vùng bị mất niêm mạc, lớp tuyến bị thoái hóa, có các ổ loét nông và sâu, nhiều ổ loét có tổ chức thoái hóa xuống qua lớp cơ niêm, nhiều tế bào viêm, các tổn thương vi thể này rất đặc trưng và thể hiện rõ rệt khi làm xét nghiệm vi thể dạ dày. Trên lô Omeprazol, đa số hình ảnh

sung huyết trên đại thể, cũng như tổn thương viêm loét nông, chưa tổn thương đến lớp tuyến sát cơ niêm. Trên lô thuốc nghiên cứu liều thấp, có hình ảnh tổn thương loét từ nông đến sâu, rải rác tổn thương sâu đến lớp tuyến sát cơ niêm. Trên lô thuốc nghiên cứu liều cao, chủ yếu hình ảnh quá sản tuyến, nhiều vùng chỉ có niêm mạc, rải rác có nhiều ổ loét nông, không thấy tổn thương loét sâu.

KẾT LUẬN

Bài thuốc Sài hồ sơ can thang kết hợp Ô bối thang ở cả 2 mức liều dùng (9,24 g/kg/ngày và 18,48 g/kg/ngày, tính theo dược liệu khô) có tác dụng tốt trong điều trị loét dạ dày trên mô hình gây loét bằng Asprine kết hợp thắt môn vị ở chuột cống trắng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Trương Cảnh Nhạç.** *Cảnh Nhạç toàn thư*, Nhà xuất bản Báo chí khoa học và công nghệ Sơn Tây, 2010, tr.1682-1690
- 2. Biên hội ủy viên dược điển quốc gia.** *Dược điển (Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa)*, bộ 1, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật Y Dược Trung Quốc, 2020, tr. 691-695
- 3. AVijayakumar A.R., Daniel E.P., Ilavarasan R., Venkataraman S., Vijayakumar S.** Ulcer Protective Activity of *Jatropha gossypifolia* Linn. in Wistar Rats. *Pharmacognosy research*, 2016, 8 (Suppl 1), S61-S66.
- 4. Guo K, Tong C, Fu Q, Xu J, Shi S, Xiao Y.** Identification of minor lignans, alkaloids, and phenylpropanoid glycosides in *Magnolia officinalis* by HPLC-DAD-QTOF-MS/MS. *J Pharm Biomed Anal.*, 2019,170, pp.153-160
- 5. Yang, S., Deng, W., Xie, Z., & Chen, J.** Efficacy and safety of proton pump inhibitors versus vonoprazan in treatment of erosive esophagitis: A PRISMA-compliant systematic review and network meta-analysis. *Medicine*, 2022, 101(47), e31807.